TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 08/2021/HNGĐ- ST
Ngày 26/01/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn giữa chị H và anh K

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Giới
2. Ông Nguyễn Hữu Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 270/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số nhà 10, ngõ 55 đường Nguyễn Văn C, phường Q, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đỗ Thanh K, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thị tứ B, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1942

Địa chỉ: Số nhà 133, đường Nguyễn Đức C, phường E, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Năm 1993, được sự đồng ý của hai gia đình, chị và anh Đỗ Thanh K đã tổ chức đám cưới. Trước khi kết hôn chị và anh K có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B. Sau đám cưới chị về nhà

anh K làm dâu ngay. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì nẩy sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng thường xuyên xẩy ra cãi nhau. Từ đó chị và anh K sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K thường xuyên bỏ nhà đi chơi, không chịu lao động. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh K đã hết, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh Đỗ Thanh K sinh được hai con chung là Đỗ Nam K, sinh ngày 07/6/2006 và Đỗ Bảo X, sinh ngày 07/6/2006. Hai cháu đang ở với chị, các cháu vẫn ngoan, phát triển bình thường. Ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả hai con. Chị yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ/01 tháng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị hiện đang là điều dưỡng viên của bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang, thu nhập trung bình 15.000.000đ/tháng, chị đủ điều kiện để nuôi các con trưởng thành.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Đỗ Thanh K tạo lập được khối tài sản chung gồm: 50,7m² đất ở đã được UBND thành phố Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD128245, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H02435/QĐ số 143/QĐ-UBNDQ08-T121 ngày 01/11/2005, thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 23, phường Q, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, mang tên Bà Nguyễn Thị H, ông Đỗ Thanh K; 01 căn nhà 02 tầng 01 tum khép kín. Chị đề nghị Tòa án giao cho chị quản lý, sử dụng thửa đất và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất, chị sẽ trích chia cho anh Đỗ Thanh K 1/3 giá trị tài sản bằng tiền.

Về công nợ: Đối với khoản nợ 569.000.000đ (trong đó có 200.000.000đ; 09 cây vàng tương đương 369.000.000đ) của bố đẻ chị là ông Nguyễn Đình Đ, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Đỗ Thanh K, nhưng anh K không đến trụ sở Tòa án làm việc, không cung cấp bản tự khai và bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để bảo vệ quyền, lợi ích của mình.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình Đ trình bày: Ông đã nhận được thông báo thụ lý vụ án số 270/2020/TB-TLVA ngày 17/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Đối với khoản nợ ông cho các con ông vay như chị H con gái ông trình bày, nay các con ông đang khó khăn về kinh tế nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đỗ Thanh K.

+ Về con chung: Giao cho chị H tiếp tục nuôi cả 02 con. Anh K phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Áp dụng án lệ số 03/2016 ngày 06/4/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xác định chị H có công sức đóng góp nhiều hơn đối với anh K đối với diện tích 50,7m² đất ở, nên chị H hưởng 60% giá trị (1.014.000.000đ x 60% = 608.400.000đ); anh K được hưởng 40% giá trị diện tích đất 50,7m² (1.014.000.000đ x 40% = 405.600.000đ).

Đối với các tài sản khác gồm: 01 ngôi nhà cấp 3 loại 2 trị giá 413.054.700đ; chống nóng lợp tôn áp bán mái loại 2 trị giá 1.926.250đ. Tổng trị giá là 414.980.900đ. Xác định công sức đóng góp chị H và anh K là như nhau nên mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản. Chị H được hưởng 207.490.450đ; anh K được hưởng 207.490.450đ.

Giao cho chị H quản lý, sử dụng 50,7m² đất ở và toàn bộ tài sản trên đất. Chị H phải trích chia trả anh K giá trị tài sản chênh lệch là: 405.600.000đ + 207.490.450đ = 613.090.450đ.

+ Về chi phí tố tụng: Anh K phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.861.400đ; chị H phải chịu 5.138.600đ.

+ Về án phí: Chị H, anh K phải chịu theo quy định pháp luật.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đỗ Thanh K. Tại phiên tòa, anh Đỗ Thanh K vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Đỗ Thanh K trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B ngày 22/10/1993, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì nẩy sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị H và anh K sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh K là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Thanh K sinh được 02 có con chung Đỗ Nam K, sinh ngày 07/6/2006 và Đỗ Bảo X, sinh ngày 07/6/2006. Cả 02 con đều đang ở với chị H. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả 02 con. Xét chị H có đủ điều kiện để nuôi con, yêu cầu của chị H cũng là nguyện vọng của 02 con. Để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, đảm bảo quyền lợi cho các con nên giao cho chị H tiếp tục nuôi 02 con là phù hợp.

Chị H yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ/01 tháng/02 con cho đến khi các con chị đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của chị H chưa phù

hợp nên chỉ buộc anh K phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị H là 1.500.000đ/tháng/01 con, kể từ ngày tuyên án cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị H, anh Đỗ Thanh K cùng tạo dựng và phát triển được khối tài sản chung gồm:

+ 50,7m² đất ở đã được UBND thành phố Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD128245, số vào số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H02435/QĐ số 143/QĐ-UBNDQ08-T121 ngày 01/11/2005, thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 23, phường Q, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, mang tên Bà Nguyễn Thị H, ông Đỗ Thanh K. Trị giá thửa đất là 1.014.000.000đ;

+ Trên đất gồm có: 01 căn nhà phía trước 03 tầng, phía sau 02 tầng, diện tích 140,6m2, trị giá 413.054.700đ; chống nóng lợp tôn áp bán mái diện tích 11,5m² trị giá 1.926.250đ.

Tổng giá trị tài sản là 1.428.980.950đ (một tỷ, bốn trăm hai mươi tám triệu, chín trăm tám mươi nghìn, chín trăm năm mươi đồng- Theo biên bản định giá ngày 04/9/2020).

[5]. Xét công sức đóng góp vào việc hình thành, xây dựng, tôn tạo, phát triển khối tài sản chung, Hội đồng xét xử thấy: Chị H và anh K đã chấm dứt mọi quan hệ về kinh tế đã lâu, từ khi chị H và anh K sống ly thân (năm 2010), toàn bộ công việc gia đình, chăm sóc các con do chị H đảm nhiệm; nguyên nhân dẫn đến việc chấm dứt quan hệ hôn nhân do lỗi của anh K là chủ yếu nên cần chia cho chị H được hưởng 60% giá trị tài sản. Chị H có nguyện vọng được tiếp tục quản lý, sử dụng đất và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất để tiếp tục nuôi 02 con. Yêu cầu của chị H là có căn cứ nên được chấp nhận. Chị H phải trích chia cho anh K 40% giá trị tài sản. Cụ thể: Giá trị tài sản chị H được hưởng là 857.388.570đ (tám trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi đồng); giá trị tài sản chị H phải trích chia trả anh K là 571.592.380đ (năm trăm bảy mươi mốt triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm tám mươi đồng).

[6]. Về nghĩa vụ chung đối với tài sản: Tại đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa giải quyết khoản nợ 569.000.000đ vợ chồng chị vay của bố đẻ chị là ông Nguyễn Đình Đ. Quá trình tố tụng ông Đ, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7]. Về chi phí tố tụng: Quá trình tố tụng chị Nguyễn chị H đã nộp 9.000.000đ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Toàn bộ số tiền trên đã được chi phí hết. Chị H được hưởng 60% giá trị tài sản nên phải chịu 60% chi phí tố tụng là 5.400.000đ, nhưng được trừ vào số tiền chị H đã nộp; anh K phải chịu 3.600.000đ. Số tiền này chị H đã nộp nên buộc anh K phải thanh toán trả chị H 3.600.000đ.

[8]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 37.721.600đ án phí dân sự sơ thẩm, trừ số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 35.880.000đ theo biên lai số AA/2017/0004821 ngày 11/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam; chị H còn phải chịu 1.841.900đ tiền án phí. Anh Đỗ Thanh K phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con và 26.863.600đ án phí dân sự sơ thẩm.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Đỗ Thanh K.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H nuôi 02 con là Đỗ Nam K, sinh ngày 07/6/2006 và Đỗ Bảo X, sinh ngày 07/6/2006. Anh Đỗ Thanh K phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H là 1.500.000đ/tháng/01 con, kể từ ngày tuyên án cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Đỗ Thanh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng 50,7m² đất ở đã được UBND thành phố Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD128245, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H02435/QĐ số 143/QĐ-UBNDQ08-T121 ngày 01/11/2005, thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 23, phường Q, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, mang tên Bà Nguyễn Thị H, ông Đỗ Thanh K. Chị Nguyễn Thị H được quyền sở hữu toàn bộ các tài sản trên đất. Tổng giá trị tài sản chị Nguyễn Thị H được hưởng là 857.388.570đ (tám trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi đồng).

Chị Nguyễn Thị H phải trích chia trả anh Đỗ Thanh K số tiền là 571.592.380đ (năm trăm bảy mươi mốt triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm tám mươi đồng).

4. Về chi phí tố tụng: Chị H phải chịu 5.400.000đ, nhưng được trừ vào số tiền chị H đã nộp; buộc anh Đỗ Thanh K phải thanh toán trả chị Nguyễn Thị H 3.600.000đ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 37.721.600đ án phí dân sự sơ thẩm, trừ số tiền tạm ứng án phái chị H đã nộp 35.880.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0004821 ngày 11/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam; chị H còn phải chịu 1.841.900đ tiền án phí. Anh Đỗ Thanh K phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con và 26.863.600đ án phí dân sự sơ thẩm .

6. *Về quyền kháng cáo:* Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND cùng cấp;*
- *Chi cục THADS cùng cấp;*
- *UBND xã B;*
- *Lưu hồ sơ, v/p.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân